

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm  
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách  
khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm  
nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 587/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy  
định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên  
địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 588/BC-HĐND ngày 18 tháng 12  
năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo  
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên  
kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ  
sản phẩm nông nghiệp đối với các ngành hàng, sản phẩm thuộc Danh mục  
ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên  
kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo  
quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách  
khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm  
nông nghiệp.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ  
hợp tác;

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng  
ký hộ kinh doanh;

c) Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã;

d) Doanh nghiệp;

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

## **Điều 2. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết nhưng không quá 300 triệu đồng, bao gồm: tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: dự án liên kết được hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết như: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng cho mỗi dự án liên kết.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông: hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất) để hỗ trợ nông dân xây dựng mô hình khuyến nông. Tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng cho mỗi dự án liên kết.

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật:

a) Đối tượng nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu; hỗ trợ tiền đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập theo quy định hiện hành;

b) Đối tượng chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu; hỗ trợ tiền đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập; hỗ trợ 100% chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học theo quy định hiện hành.

5. Hỗ trợ đào tạo nghề: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

6. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (hoặc có thể lựa chọn một trong các nội dung để đề nghị hỗ trợ theo hình thức liên kết trong dự án/kế hoạch): hỗ trợ 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã. Mức hỗ trợ cụ thể như sau: hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu; hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm. Tổng mức hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm không quá 01 tỷ đồng cho mỗi hợp đồng, dự án liên kết.

7. Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Tổng mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng cho mỗi hợp đồng, dự án liên kết.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nội dung hỗ trợ tại khoản 1, 2, 6 và khoản 7 Điều 2 của Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

2. Nội dung hỗ trợ tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông; chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản được phê duyệt theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang được tiếp tục triển khai thực hiện cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án, kế hoạch theo Quyết định phê duyệt.

2. Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. /.* 

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

**CHỦ TỊCH**



**Châu Thị Mỹ Phương**